

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH KIM LIÊN**
Số: /TTr - HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên

Năm 2020, Luật Doanh nghiệp được ban hành và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021. Luật này có một số điểm mới dẫn đến điều lệ của các doanh nghiệp phải điều chỉnh.

Điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên (“**Điều lệ**”) được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 19/01/2020 (“**Điều lệ năm 2020**”) thay thế Điều lệ hợp nhất năm 2019. Điều lệ năm 2020 được xây dựng trên cơ sở của Luật Doanh nghiệp năm 2014, có những nội dung chưa phù hợp, tương thích với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và cần sửa đổi, cập nhật các thay đổi của pháp luật.

Trên cơ sở những thay đổi của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên (“**Công ty**”) đã tiến hành rà soát và xây dựng dự thảo Điều lệ sửa đổi để thay thế Điều lệ năm 2020 cho phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty.

Kèm theo Tờ trình này là Dự thảo Điều lệ sửa đổi năm 2024, thay thế Điều lệ năm 2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như: Kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Ngọc Định

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Hà Nội, Tháng 4/2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
Chương I.....	4
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
Chương II.....	5
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
Chương III	6
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	10
Chương IV	10
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	10
Điều 6. Vốn điều lệ.....	10
Điều 7. Cổ phần	10
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	11
Chương V	12
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	12
Chương VI	12
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	12
Điều 12. Quyền của cổ đông	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	14
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 16. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 18. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	23

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 25. Thể thức và nguyên tắc tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến ..	27
Chương VII	28
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
Điều 26. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 27. Đề cử, chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	30
Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị	32
Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	33
Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	37
Điều 33. Thư ký Hội đồng quản trị	37
Chương VIII	38
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH	38
Điều 34. Bộ máy quản lý điều hành	38
Điều 35. Tổng Giám đốc	38
Chương IX	40
BAN KIỂM SOÁT	40
Điều 36. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát.....	40
Điều 37. Đề cử, chấm dứt tư cách thành viên Ban Kiểm soát.....	40
Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát	41
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	42
Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	43
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	45
Chương X	45
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	45
Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	45
Chương XI	46
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	46
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	46
Chương XII	46
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	46
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	46

Chương XIII	47
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	47
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	47
Điều 46. Năm tài chính.....	47
Điều 47. Chế độ kế toán	47
Chương XIV	48
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	48
Điều 48. Báo cáo tài chính.....	48
Điều 49. Công bố thông tin	48
Chương XV.....	48
KIỂM TOÁN CÔNG TY	48
Điều 50. Kiểm toán.....	48
Chương XVI	48
DẤU CỦA CÔNG TY	48
Điều 51. Dấu của Công ty	48
Chương XVII.....	48
GIẢI THỂ CÔNG TY	48
Điều 52. Giải thể Công ty.....	48
Điều 53. Thay đổi thời gian hoạt động	49
Chương XVIII	49
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	49
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	49
Chương XIX	50
BỔ SUNG, SỬA ĐỔI VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH	50
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	50
Điều 56. Hiệu lực thi hành.....	50

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên (sau đây gọi tắt là "**Công ty**"). Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với quy định của pháp luật sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần, được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty;
 - b) Công ty hoặc KLC là Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên;
 - c) Đề cử là việc một cổ đông cá nhân hoặc một nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử giới thiệu một hoặc một số cá nhân làm ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông bầu vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ này;
 - d) Điều lệ hoặc Điều lệ này là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bao gồm các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
 - e) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - f) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - g) Người điều hành hoặc Ban Điều hành là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và được quy định tại khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này;
 - h) Người quản lý là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - i) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - j) Pháp luật là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản pháp luật này;

- k) Thời hạn hoạt động của Công ty là thời gian được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và có thể thay đổi khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - l) Việt Nam là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - m) Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được thanh toán đầy đủ, được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này và được xác nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên viết bằng tiếng Việt Nam : Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên
 - Tên viết bằng tiếng Anh : Kim Lien Tourism Joint Stock Company
 - Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên
 - Tên viết tắt : KLC
2. Công ty được thành lập theo phương thức chuyển từ một doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, và có tư cách pháp nhân kể từ ngày thành lập.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty
 - Địa chỉ trụ sở chính : Số 5 - 7, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
 - Điện thoại : (84.4) 38.522.522 – 38.524.930
 - Fax : (84.4) 5.770.346 – 38.524.919
 - Email : kimlienhôtel@gmail.com
 - Website: <http://www.kimlientourism.vn>
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty;
 - b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, Người có liên quan mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật;
 - d) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ này.
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Khách sạn.	5510 (Chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn: rượu mạnh, rượu vang, bia.	4723
4	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
5	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

STT	Tên ngành	Mã ngành
	- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường).	
6	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
7	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
8	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa).	4620
9	Bán buôn thực phẩm	4632
10	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn: rượu mạnh, rượu vang, bia.	4633
11	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Bán buôn hàng lưu niệm.	4649
12	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).	4659
14	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
15	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác.	4933
17	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
18	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
19	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
20	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Hoạt động phiên dịch.	7490
21	Đại lý du lịch - Lữ hành quốc tế, lữ hành nội địa.	7911

STT	Tên ngành	Mã ngành
22	Điều hành tua du lịch	7912
23	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour	7990
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
26	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
27	Bán buôn tổng hợp	4690
28	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các phòng hát karaoke; - Hoạt động của các sàn nhảy; - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên.	9329
29	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
30	Khai thác dầu thô	0610
31	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
32	Khai thác quặng sắt	0710
33	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
34	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
35	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
36	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Thăm dò khoáng sản.	0990
37	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
38	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
39	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
40	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816

STT	Tên ngành	Mã ngành
41	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
42	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43	Sản xuất điện	3511
44	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
45	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
46	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
47	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
48	Bán mô tô, xe máy	4541
49	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4611
50	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4913
51	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
52	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
53	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
54	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
55	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
56	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
57	Bốc xếp hàng hóa	5224
58	Dịch vụ ăn uống khác	5629
59	Hoạt động chiếu phim	5914
60	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
61	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
62	Quảng cáo	7310
63	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
64	Cho thuê xe có động cơ	7710
65	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
66	Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
67	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí	9000
68	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
69	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
70	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Tăng trưởng lợi ích bền vững cho tất cả các bên tham gia Công ty;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ giá trị gia tăng vượt mức mong đợi của khách hàng;

- Phát huy truyền thống vốn có của Công ty để phát triển trong tương lai.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 69.571.530.000 đồng (*Sáu mươi chín tỷ năm trăm bảy mươi một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).
2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 7. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của Công ty có mệnh giá là 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*). Tổng số cổ phần của Công ty bằng vốn Điều lệ chia cho mệnh giá của cổ phần.
2. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp.
2. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu, giấy chứng nhận sở hữu cũ sẽ bị hủy bỏ và giấy chứng nhận sở hữu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó, với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Trường hợp cổ đông có cam kết hoặc có thỏa thuận với Công ty hạn chế chuyển nhượng cổ phần thì cổ đông chỉ được chuyển nhượng theo các điều khoản đã cam kết hoặc thỏa thuận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng

phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Thừa kế cổ phần
 - a) Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty;
 - b) Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự;
 - c) Người thừa kế cổ phần của cổ đông phải xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, đăng ký các loại cổ phần được thừa kế với Công ty.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.
6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ theo quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.
7. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ này.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần (đã thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành) của mình cho người khác;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
- a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp: (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc (ii) khi Hội đồng quản trị vi phạm Điều lệ này hoặc thực hiện trái với các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Điều lệ này. Nhóm cổ đông đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp thường niên, bất thường hoặc thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ này.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chỉ có giá trị khi được các cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ này.
4. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này.
5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể tiến hành dưới hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến, hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Căn cứ tình hình và nhu cầu thực tế, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quyết định hình thức của cuộc họp. Thể thức và nguyên tắc tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định tại Điều 25 của Điều lệ này.
6. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm chính của cuộc họp được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyết định giao Hội đồng quản trị thực hiện một số công việc thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết hoặc theo đề xuất của Hội đồng quản trị;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
2. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.
 3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp (Người được ủy quyền) hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 5 của Điều này.
2. Việc ủy quyền cho Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 của Điều này phải lập thành văn bản, có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau:
 - a) Cổ đông sử dụng Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty được gửi kèm theo Thông báo mời họp;
 - b) Cổ đông lập Giấy ủy quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phải nêu rõ thông tin của cổ đông và Người được ủy quyền. Nếu cổ đông và Người được ủy quyền là cá nhân thì nêu rõ tên, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cá nhân. Trường hợp cổ đông và Người được ủy quyền là tổ chức thì nêu rõ tên, mã số doanh nghiệp của tổ chức và địa chỉ trụ sở chính;
 - Số lượng cổ phần được ủy quyền (trường hợp có nhiều hơn một Người được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số lượng cổ phần được ủy quyền của từng Người được ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định rõ số lượng cổ phần được ủy quyền tương ứng cho từng Người được ủy quyền thì tự động được hiểu là số cổ phần của cổ đông sẽ được chia đều cho các Người được ủy quyền);
 - Nội dung ủy quyền và phạm vi ủy quyền: trong đó nêu cụ thể phạm vi và nội dung ủy quyền mà Người được ủy quyền được phép thực hiện;
 - Thời hạn ủy quyền (cổ đông phải đảm bảo văn bản ủy quyền phải còn hiệu lực cho đến khi hoàn thành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông); và
 - Phải có chữ ký của cổ đông (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông (trường hợp cổ đông là tổ chức) và chữ ký của Người được ủy quyền (trường hợp Người được ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp).
- c) Cổ đông sử dụng văn bản điện tử (fax, tin nhắn văn bản, thư thoại, thư điện tử hoặc các dữ liệu điện tử khác có khả năng truyền đạt thông tin) để thông báo cho Công ty về việc ủy quyền cho người khác tham dự. Văn bản điện tử được xem là hợp lệ, nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
- Văn bản điện tử được gửi vào địa chỉ tiếp nhận của Công ty ghi trên Thông báo mời họp, hoặc gửi đến những người do Công ty phân công phụ trách tiếp nhận thông báo của cổ đông, hoặc bằng hình thức khác mà Công ty có thể tiếp nhận được thông tin;
 - Người tạo khởi văn bản điện tử có tất cả thông tin cá nhân (họ tên, số giấy tờ pháp lý cá nhân, email, số điện thoại) hoặc được xác định là trùng khớp với thông tin của cổ đông trong Danh sách cổ đông dự họp của Công ty hoặc có cơ sở khác để chứng minh người khởi tạo văn bản điện tử là cổ đông của Công ty;
 - Văn bản điện tử có thể được in, lưu trữ và truy cập để tham chiếu khi cần thiết.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
Khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.

Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường, theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Trình tự triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay

thể Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

- c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b của Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 2 của Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- d) Thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này;
- e) Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các điểm a, b và c của Khoản này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 18. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f) Xác định thời gian, địa điểm và phương thức tổ chức đại hội;
 - g) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - h) Các công việc khác phục vụ đại hội.
- 2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng

trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Phiếu biểu quyết;
 - c) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
4. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 3 của Điều này;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 3 của Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 của Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội theo thông báo mời họp, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội theo thông báo mời họp, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành họp lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông

dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một Phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký/mã số của cổ đông, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó hoặc số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền cho đại diện được ủy quyền đến dự họp, vấn đề cần biểu quyết; và phương án biểu quyết (gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến);
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a của Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được

thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến được thu cùng một lúc. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 của Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc mua, bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f) Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ.
3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 của Điều này.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, cụ thể:
 - a) Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - b) Cổ đông có thể (i) dồn hết phiếu bầu cho một ứng viên hoặc (ii) chia đều phiếu bầu cho tất cả ứng viên hoặc (iii) chia đều phiếu bầu cho một số ứng viên với số phiếu bằng hoặc khác nhau, phần còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng viên nào;
 - c) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hoặc Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
6. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
 - a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó;
 - b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có

quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không thực hiện đúng như quy định;

- c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, hoặc Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán

- kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, và được công bố thông tin theo quy định pháp luật (nếu có).

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 6 Điều 21 của Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 25. Thể thức và nguyên tắc tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải trực tiếp hình ảnh, âm thanh của cuộc họp, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến, thảo luận và đóng góp ý kiến tại cuộc họp. Địa điểm chính của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là nơi Chủ tọa tham dự và điều hành cuộc họp.
2. Hội đồng quản trị quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trong các trường hợp (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hoặc cấm đoán của Nhà nước và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác không thuận lợi và/hoặc khó khăn cho việc tổ chức cuộc họp trực tiếp.
3. Trình tự, thủ tục triệu tập, lập danh sách cổ đông dự họp; thời gian công bố thông tin về việc lập Danh sách cổ đông dự họp, gửi thông báo mời họp, đăng tải tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như trình tự của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.
4. Khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, Công ty phải thiết lập hệ thống tổ chức cuộc họp (gọi tắt là “**Hệ thống**”). Hệ thống có thể xây dựng trên một hoặc nhiều ứng dụng và/hoặc nền tảng, nhưng phải đảm bảo tính bảo mật, đồng bộ, có khả năng xác thực thông tin cổ đông, truyền tải ổn định âm thanh, hình ảnh của cuộc họp và phải do Công ty nắm quyền kiểm soát.
5. Cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông dự họp được cấp một tài khoản và một mật khẩu (có thể thay đổi theo yêu cầu bảo mật của cổ đông) để đăng nhập vào hệ thống. Cổ đông đăng nhập vào Hệ thống được xem là tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
Điều kiện về tỷ lệ tham dự để tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.
6. Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử, hoặc gửi phiếu biểu quyết về Công ty bằng thư bảo đảm, phương tiện điện tử khác trong thời hạn biểu quyết và trước khi kết thúc kiểm phiếu. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông quyết định hình thức biểu quyết và ấn định thời hạn biểu quyết tùy theo tình hình thực tế.
7. Kết quả biểu quyết, Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông được Công ty đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty sau khi kết thúc thời hạn biểu quyết theo

quy chế điều hành cuộc họp.

8. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến có trách nhiệm đảm bảo Hệ thống tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và Hệ thống bỏ phiếu điện tử (nếu có) phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo các tín hiệu truyền tải từ cuộc họp đến cổ đông tham dự không được gián đoạn;
 - b) Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến;
 - c) Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật tài khoản và mật khẩu đăng nhập Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống phải bảo mật thông tin và phù hợp với quy định của pháp luật;
 - d) Dữ liệu điện tử ghi nhận diễn biến, kết quả biểu quyết của cuộc họp phải được lưu giữ và trích xuất khi cần thiết.
9. Hội đồng quản trị xây dựng, ban hành quy chế quy định về phương thức, trình tự thực hiện công tác tổ chức và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, các nguyên tắc và thể thức được quy định tại Điều lệ này.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty;

- c) Không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- d) Có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 27. Đề cử, chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được đề cử trong các trường hợp sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tổng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc sau:
 - Từ 10% đến dưới 20% được đề cử 01 ứng viên;
 - Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên;
 - Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên;
 - Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên;
 - Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên;
 - Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 ứng viên;
 - Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 ứng viên;
 - Từ 80% trở lên được đề cử tối đa 08 ứng viên hoặc toàn bộ số ứng viên, nếu cơ cấu Hội đồng quản trị nhiều hơn 08 thành viên.
 - b) Trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a Khoản này không đủ số lượng cần thiết hoặc thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, thì Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
2. Thông tin ứng cử viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau
 - a) Căn cứ các nguyên tắc tại khoản 1 Điều này, trước mỗi lần bầu cử, Hội đồng quản trị sẽ xây dựng các quy tắc về trình tự, thủ tục, hồ sơ, cách thức đề ứng cử viên Hội đồng quản trị và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời gian hợp lý trước khi tiến hành đề cử;
 - b) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 03 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm: (i) Thông tin cá nhân (Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; địa điểm cư trú; giấy tờ chứng thực cá nhân), (ii) Trình độ chuyên môn, học vấn; (iii) Quá trình công tác; (iv) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và chức danh quản lý khác; (v) Lợi

ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; (vi) Các thông tin khác (nếu có);

3. Thành viên Hội đồng quản trị chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - Có đơn từ chức (gửi đến trụ sở chính của Công ty) và được chấp thuận;
 - Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác quy định tại Điều lệ này; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm; báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), quy chế về công bố thông tin, Quy chế về quản lý tài chính.

Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao, thưởng. Thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền hoặc dưới hình thức khác theo quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có thù lao cao hơn các thành viên khác. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại các cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội

đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ được giao bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong việc tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có). Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung về mọi công việc của Hội đồng quản trị trước Đại hội đồng cổ đông, có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Điều hành việc thảo luận và tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Thay mặt Hội đồng quản trị:
 - Ký các nghị quyết, quyết định, tờ trình, thông báo, đề nghị, yêu cầu, khuyến nghị hoặc các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - Ký kết, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.
 - f) Kiến nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc;
 - g) Quyết định và chịu trách nhiệm các công việc do Hội đồng quản trị ủy quyền và được phân cấp;
 - h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể được triệu tập họp bất thường.
3. Hội đồng quản trị phải họp bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - (i) Ban Kiểm soát;
 - (ii) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - (iii) Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm b Khoản này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc một địa điểm khác thuận lợi trên lãnh thổ Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị.
5. Thông báo mời họp:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
 - b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng

quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- c) Những người tham dự khác bao gồm Tổng Giám đốc, người điều hành Công ty và các chuyên gia có thể tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này, trong vòng 2 giờ kể từ thời điểm được ấn định cho cuộc họp Hội đồng quản trị mà không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
 7. Tham dự và Biểu quyết:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết, nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình giấy ủy quyền và giấy tờ pháp lý cá nhân khi tham gia họp Hội đồng quản trị;
 - (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư hoặc chuyển tay, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp; hoặc Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua fax, thư điện tử hoặc bằng phương tiện khác (zalo, viber, ...), thì phiếu biểu quyết không nhất thiết phải bảo mật nhưng phải được gửi đồng thời cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị khác chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc.
 - b) Trừ quy định tại điểm c Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất lợi ích, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người có liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
9. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết hay quyết định về bất kỳ vấn đề nào thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bằng hình thức sau đây:
- a) Biểu quyết tại cuộc họp nếu được đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp tán thành bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết mọi vấn đề theo phương thức “tán thành” “không tán thành”, “không có ý kiến”. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).
- Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp.
- b) Lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử trong trường hợp không thể tổ chức họp trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
- Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản có thể không lập Biên bản cuộc họp, nhưng phải có Biên bản kiểm phiếu để ghi nhận kết quả biểu quyết.
- c) Đối với vấn đề cần phải quyết định ngay mà không thể triệu tập họp Hội đồng quản trị hoặc không thể lấy ý kiến bằng văn bản thì được xử lý kịp thời bằng chế độ hội ý giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị, sau đó báo cáo lại Hội đồng quản trị trong cuộc họp gần nhất.
- d) Các cách thức khác do Hội đồng quản trị quyết định.

10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó. Trường hợp nghị quyết, quyết định đã được thông qua mà bị khởi kiện thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định.
- Trong trường hợp ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị khác với nghị quyết, quyết định đã được thông qua của Hội đồng quản trị thì thành viên Hội đồng quản trị đó có quyền bảo lưu ý kiến cá nhân, nhưng vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định đã được thông qua của Hội đồng quản trị.
11. Họp trên điện thoại, trực tuyến hoặc các hình thức khác
- a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- b) Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác có khả năng truyền đạt thông tin hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
12. Biên bản họp Hội đồng quản trị:
- a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Thời gian, địa điểm họp;
 - (iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- (viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- (ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này.
- b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại đoạn từ (i) đến đoạn (ix) điểm a Khoản này thì biên bản này có hiệu lực;
- c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- e) Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.
2. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 33. Thư ký Hội đồng quản trị

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Hội đồng quản trị để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và

thủ tục hành chính.

2. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

Điều 34. Bộ máy quản lý điều hành

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý điều hành hoạt động theo chế độ thủ trưởng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
2. Thành phần Ban Điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ, bao gồm:
 - Tổng Giám đốc;
 - Các Phó Tổng Giám đốc: Có nhiệm vụ giúp Tổng Giám đốc trong việc điều hành Công ty; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Tổng Giám đốc giao phù hợp với Điều lệ này; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao hoặc ủy quyền;
 - Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.
3. Ban Điều hành thực hiện quyền và nhiệm vụ sau:
 - a) Chỉ đạo, điều hành và quyết định các vấn đề, giao dịch, chính sách liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty trong phạm vi quyền hạn và phù hợp với hạn mức, thẩm quyền được ủy quyền, phân cấp, phân quyền bởi Hội đồng quản trị;
 - b) Quản lý, điều hành các đơn vị/phòng/ban chức năng tại Công ty;
 - c) Đề xuất Hội đồng quản trị xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị;
 - d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao và phải báo cáo cơ quan này khi được yêu cầu.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thưởng và các

điều khoản khác liên quan. Tiền lương của Tổng Giám đốc được ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực theo quy định trong hợp đồng lao động.
4. Nếu nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc đương chức hết hạn mà Tổng Giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc đương chức sẽ được kéo dài cho đến thời điểm Tổng Giám đốc mới được bổ nhiệm.
5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Kiến nghị số lượng và các loại chức danh điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thưởng và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của chức danh điều hành;
 - f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g) Tuyển dụng lao động; Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - h) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định Quy chế lương; số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j) Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hằng năm, phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách tài chính;
 - k) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật;
 - l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này, pháp luật và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám

độc ký với Công ty.

Chương IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là 03 người. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

Trường hợp có thành viên Ban kiểm soát được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

3. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 37. Đề cử, chấm dứt tư cách thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát được đề cử trong các trường hợp sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tổng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Ban Kiểm soát theo nguyên tắc sau:
 - Từ 10% đến dưới 20% được đề cử 01 ứng viên;
 - Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên;
 - Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên;
 - Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên;
 - Từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên tối đa.
 - b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát của cổ đông hoặc nhóm cổ đông thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết quy định tại điểm a Khoản này, Ban

Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin ứng viên Ban Kiểm soát thực hiện tương tự như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:
 - a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Điều lệ này;
 - Có đơn từ chức (gửi đến trụ sở chính của Công ty) và được chấp thuận;
 - Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
 - b) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát là Chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - c) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;
 - d) Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề

- ngị Hội đồng quản trị họp bất thường soát theo quy định tại Điều lệ này;
- e) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát;
 - f) Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;
 - g) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;
 - h) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;
 - i) Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;
 - j) Điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa;
 - k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:

- a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng và trung thành với lợi ích của Công ty;
- c) Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Công ty;
- d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý,

điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
9. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ hoặc họp bất thường.
2. Các cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát và được sự nhất trí của Ban Kiểm soát.

Trưởng Ban Kiểm soát phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên trong Ban ít nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Thành viên Ban Kiểm soát có thể từ chối thông báo mời họp và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp.

Thông báo mời họp Ban Kiểm soát có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Ban Kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

3. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành Công ty và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ. Những người tham dự này không được biểu quyết.
4. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành trong điều kiện sau:
 - a) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Ban Kiểm soát có thể ủy quyền biểu quyết cho một thành viên khác dự họp hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, với điều kiện phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp;
 - b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.
5. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban và ra các quyết định khác được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban Kiểm soát nhiệm kỳ đó.

Cuộc họp quy định tại Khoản này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.
6. Ban Kiểm soát họp ít nhất 02 lần trong 01 năm. Giữa các kỳ họp, Trưởng Ban Kiểm soát có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên để thông qua các quyết định của Ban Kiểm soát.
7. Ban Kiểm soát họp bất thường nếu xét thấy cần thiết để giải quyết vấn đề phải được thảo luận, biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp phát sinh giữa các cuộc họp định kỳ theo đề nghị của ít nhất 02 thành viên Ban Kiểm soát
Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của đối tượng quy định tại Khoản này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát theo đề nghị thì người đề nghị họp có quyền triệu tập Ban Kiểm soát, các thành viên dự họp bỏ phiếu kín bầu chủ tọa cuộc họp.
8. Biên bản họp của Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau:
 - a) Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt chi tiết và rõ ràng,

phải được người ghi biên bản và thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp ký tên, và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung biên bản;

- b) Biên bản họp Ban Kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ theo quy định tại điểm e, điểm f khoản 2 và điểm b khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty thực hiện theo quy định sau:
 - a) Công ty lưu giữ tại trụ sở chính các tài liệu sau đây:
 - Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; sổ đăng ký cổ đông; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giấy phép và giấy chứng nhận khác;
 - Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
 - Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng

- quản trị; các quyết định của Công ty;
- Bản cáo bạch để chào bán hoặc niêm yết chứng khoán (nếu có);
 - Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;
 - Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm.
- b) Thời hạn lưu giữ các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.
- c) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật, hồ sơ, tài liệu của Công ty theo quy định pháp luật.
4. Điều lệ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XI

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm của năm đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn

ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XIV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 49. Công bố thông tin

Công ty phải lập và công bố thông tin theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan (nếu có).

Chương XV

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

Chương XVI

DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 51. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Dấu của Công ty được lưu trữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty.
3. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
4. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Công ty.

Chương XVII

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 52. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- b) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Thay đổi thời gian hoạt động

- 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông có thể biểu quyết về việc thay đổi thời gian hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- 2. Thời hạn hoạt động được thay đổi khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Chương XVIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
- 2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 45 ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
- 3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án hoặc Trọng tài được thực hiện theo phán quyết của Tòa án hoặc Trọng tài.

Chương XIX

BỔ SUNG, SỬA ĐỔI VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 56. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của một trong những người sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Người đại diện theo pháp luật; hoặc
 - c) Người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trịnh Văn Thiệm